

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/DS-ST

Ngày: 21/5/2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất;

Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Nhơn.

2/ Ông Nguyễn Trọng Khôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Diệu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1/ Ông Thạch Hồng T1, sinh năm 1955.

2/ Bà Lâm Thị C, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T1, bà C là:

1/ Ông Phùng Quang T2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khóm N, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Phạm Tuấn K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 7, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/11/2021).

- Bị đơn: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông L là bà Bùi Trương Minh H1, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/6/2022, ngày 20/6/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/6/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 15/9/2023, ngày 22/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C trình bày: Nguyên vào ngày 24/07/2006 ông, bà có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Trương Thị Y (đã chết) cùng con là Thân Thị B (đã chết) phần đất thửa đất số 333, tờ bản đồ số 9, diện tích là 701,6m² với giá trị là 120 chỉ vàng 24K. Phần đất có tứ cận như sau: Đông giáp Thân Thị B; Tây giáp Phạm Thế H2; Nam giáp Thân Thị B; Bắc giáp QL 54. Hai bên đã làm thủ tục chuyển nhượng ông, bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/5/2007, đến ngày 27/7/2012 cấp lại cho ông, bà với số thửa đất như trên. Khi ông, bà nhận chuyển nhượng đất của bà Trương Thị Y thì phần mặt tiền ngoài Quốc lộ 54 của thửa đất là phần đất trống. Ông, bà canh tác lúa được 03 năm, đến khi những hộ xung quanh lên liếp và xây nhà ở thì ông, bà không canh tác được lúa, ông, bà đã lên liếp trồng cam nhưng do lợi nhuận thấp nên đã chuyển sang trồng chuối. Ông, bà dự định xây dựng nhà ở và buôn bán trên thửa đất trên. Năm 2015, ông L tự ý xây dựng lều quán hết phần mặt tiền của phần đất thửa 333 gây khó khăn cho việc sinh hoạt và sử dụng thửa đất của ông, bà. Ông, bà khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn L di dời lều quán đã xây dựng trên các thửa đất: tách 3006-1 diện tích 57,5m², tách 3006-2 diện tích 37,2m², tách 3010-2 diện tích 23,6m²; trả lại hiện trạng lề lộ phần mặt tiền để ông, bà làm lối đi vào thửa đất thửa 333, tờ bản đồ số 9, diện tích 701,6m² của ông, bà. Yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại số tiền 33.000.000đ do ông L lấn chiếm phần đất mặt tiền suốt thời gian 7,5 năm làm cho ông, bà không có lối đi vào canh tác được đất ruộng, gây thiệt hại 22 vụ lúa, bình quân mỗi vụ lúa thu được lợi nhuận là 1.500.000đ.

Tại bản khai ý kiến ngày 28/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Văn L và chị Bùi Trương Minh H1 là đại diện hợp pháp của ông L trình bày: Theo đơn khởi kiện ông T1, bà C cho rằng ông L đã xây dựng lều quán lấn chiếm phần đất thửa 333, tờ bản đồ số 9, diện tích

701,6m² do ông Thạch Hồng T1 và bà Lâm Thị C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kết quả đo đạc hiện trạng đã xác định phần đất gia đình chi đã xây dựng nhà thuộc các thửa tách 3006-1 diện tích 57,5m², tách 3006-2 diện tích 37,2m², tách 3010-2 diện tích 23,6m² không nằm trong thửa đất số 333 của ông T1, bà C. Nay ông T1, bà C sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L tháo dỡ lều quán đã xây dựng trên phần đất thuộc các thửa tách 3006-1 diện tích 57,5m², tách 3006-2 diện tích 37,2m², tách 3010-2 diện tích 23,6m² trả lại cho ông T1, bà C hiện trạng lẽ lộ phần mặt tiền của thửa đất số 333, tờ bản đồ số 9, diện tích 701,6m², ông L không đồng ý. Ông L xác định phần đất ông đang xây dựng lều quán là trên lẽ lộ do Nhà nước quản lý, không xây dựng trên phần đất thửa 333 của ông T1, bà C. Khi nào Nhà nước có kế hoạch mở rộng lộ, buộc ông tháo dỡ, di dời lều quán, ông L sẽ tháo dỡ, trả lại hiện trạng mặt lộ cho Nhà nước. Đối với việc ông T1, bà C yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại do không canh tác lúa được trên thửa đất số 333 đã thiệt hại 7,5 năm là 22 vụ lúa, tổng số tiền thiệt hại là 33.000.000đ, ông L không đồng ý vì khi ông xây dựng lều quán trên lẽ lộ là phía ngoài kinh. Ông T1, bà C vẫn tới lui canh tác đất trồng lúa, mấy năm gần đây ông T1 đã lên liếp nên không có bị thiệt hại gì về việc canh tác, sử dụng đất.

Tại kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ô cung cấp ngày 13/3/2023 thể hiện phần đất tranh chấp quyền sử dụng gồm các thửa tách 3006-1 diện tích 57,5m², loại đất DGT; tách 3006-2 diện tích 37,2m², loại đất DGT; tách 3010-2 diện tích 23,6m², loại đất SON gồm các mốc 5, e, 6, 7, 8, 9, f, 10.

+ Tách 3006-1: theo BĐ ĐCCQ thuộc Quốc lộ 54. Hiện trạng ông Bùi Văn L xây sân xi măng.

+ Tách 3006-2: theo BĐ ĐCCQ thuộc Quốc lộ 54. Hiện trạng ông Bùi Văn L xây dựng nhà tiền chế.

+ Tách 3010-2: theo BĐ ĐCCQ thuộc Kinh. Hiện trạng ông Bùi Văn L xây dựng nhà tiền chế.

Tại Công Văn số 43/KL-HĐGTS ngày 10/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng dân sự xác định giá trị tài sản nhà, vật kiến trúc của ông Bùi Văn L xây dựng trên phần đất có tổng giá trị là 21.414.000đ.

Tại biên bản xác minh ngày 20/12/2023 ông Phạm Văn R (nguyên trưởng ấp G) và ông Nguyễn Thành T3 xác định trước thời điểm ông Thạch Hồng T1 và bà Lâm Thị C nhận chuyển nhượng đất của bà Thân Thị B, ông Bùi Văn L đã sử dụng phần đất từ mé kinh ra lẽ lộ. Sau khi ông T1, bà C nhận chuyển nhượng

đất chỉ sử dụng đất từ mé kinh đến hết thửa đất. Đến năm 2015 ông L xây dựng nhà tiền chế hết phần đất từ kinh ra lộ, che chắn mặt tiền thửa đất số 333 của ông T1 nên phát sinh tranh chấp. Địa phương đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thành, do ông T1 không có lối đi từ thửa đất ra đến lộ công cộng nên ông Nguyễn Thành T3 cho ông T1, bà C đi nhờ qua lối đi của ông T3 có chiều ngang 02m, chiều dài giáp thửa đất số 333 của ông T1. Hiện tại ông T3 vẫn cho ông T1 đi nhờ qua lối đi của ông T3 để vào canh tác thửa đất số 333 của ông T1 nhưng ông T3 không cam đoan sẽ cho ông T1 sử dụng lối đi vĩnh viễn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Thạch Hồng T1 và người đại diện hợp pháp của ông T1 là ông T2 và anh K trình bày: Ông T1 khởi kiện yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề, yêu cầu ông L tháo dỡ lều quán đã xây dựng trên lề lộ phần mặt tiền của thửa đất số 333, trả lại toàn bộ phần mặt tiền của thửa 333 để ông T1, bà C làm lối đi vì khi ông T1, bà C chuyển nhượng đất, nộp thuế chuyển nhượng đất là phần đất mặt tiền. Ông T1, bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được sử dụng phần mặt tiền. Ông L xây dựng lều quán trên phần mặt tiền làm ông T1, bà C không có lối đi vào đất để canh tác sử dụng đất, gây thiệt hại cho ông T1, bà C. Ông T1, bà C giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại 22 vụ lúa số tiền 33.000.000đ.

Chị Bùi Trương Minh H1 giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết Thẩm phán không đưa Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Ô vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu nhưng trong hồ sơ đã có văn bản của Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Ô thể hiện nội dung liên quan đến tranh chấp nên vẫn đủ căn cứ cho việc xét xử. Ngoài ra, Thẩm phán còn vi phạm về việc giải thích quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí cho đương sự nhưng đã được khắc phục. Vụ án có tính chất phức tạp, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Quyết định tạm đình chỉ sau đó ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát còn chưa đảm bảo. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị

đơn, người đại diện hợp pháp của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 39, 147, 165, 192, 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Đình chỉ xét xử vụ án, trả đơn khởi kiện của ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C về việc yêu cầu ông Bùi Văn L tháo dỡ lều quán đã xây dựng trên phần đất tách 3010-2 diện tích 23,6m², loại đất SON; tách 3006-1 diện tích 57,5m², loại đất DGT; tách 3006-2 diện tích 37,2m², loại đất DGT do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C về việc yêu cầu ông Bùi Văn L bồi thường thiệt hại do không canh tác được lúa trong thời gian 7,5 năm, thiệt hại 22 vụ lúa bằng số tiền 33.000.000đ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/6/2022, ngày 20/6/2022. Nguyên đơn ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn L tháo dỡ lều quán đã xây dựng trái phép trên phần đất thửa 333 để trả lại phần mặt tiền và lối đi vào thửa đất 333. Căn cứ khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Tại các đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/6/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 15/9/2023, ngày 22/9/2023, nguyên đơn ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn L tháo dỡ lều quán đã xây dựng trên các thửa đất tách 3006-1 diện tích 57,5m², tách 3006-2 diện tích 37,2m², tách 3010-2 diện tích 23,6m²; trả lại hiện trạng lề lộ phần mặt tiền để ông T1, bà C làm lối đi vào thửa đất thửa 333 và yêu cầu

ông L bồi thường thiệt hại số tiền 33.000.000đ. Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C về việc yêu cầu ông Bùi Văn L tháo dỡ lều quán đã xây dựng trên các thửa đất tách 3006-1 diện tích 57,5m², tách 3006-2 diện tích 37,2m², tách 3010-2 diện tích 23,6m²; trả lại hiện trạng lề lộ phần mặt tiền để ông T1, bà C làm lối đi vào thửa đất số 333. Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất tách 3010-2 diện tích 23,6m², loại đất SON; tách 3006-1 diện tích 57,5m², loại đất DGT; tách 3006-2 diện tích 37,2m², loại đất DGT là đất xây dựng các công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn do Ủy ban nhân dân các cấp nơi có công trình quản lý theo quy định tại Điều 157 của Luật Đất đai. Ông Bùi Văn L có hành vi xây dựng lều quán trái phép trên phần đất thuộc công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn thì việc phát hiện và xử lý hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có công trình theo quy định tại khoản 6 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Do đó, nguyên đơn ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn L tháo dỡ lều quán đã xây dựng trên các thửa đất tách 3006-1 diện tích 57,5m², tách 3006-2 diện tích 37,2m², tách 3010-2 diện tích 23,6m²; trả lại hiện trạng lề lộ phần mặt tiền để ông T1, bà C làm lối đi vào thửa đất số 333 là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, đình chỉ xét xử, trả đơn khởi kiện đối với yêu cầu của ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C về việc yêu cầu ông Bùi Văn L tháo dỡ lều quán đã xây dựng trên các thửa đất tách 3006-1 diện tích 57,5m², tách 3006-2 diện tích 37,2m², tách 3010-2 diện tích 23,6m²; trả lại hiện trạng lề lộ phần mặt tiền để ông T1, bà C làm lối đi vào thửa đất số 333 là phù hợp theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217; điểm đ khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C về việc yêu cầu ông Bùi Văn L bồi thường thiệt hại số tiền 33.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy: việc ông T1, bà C cho rằng ông L có hành vi xây dựng lều quán trên phần mặt tiền vào thửa đất số 333 nên ông bà không có lối đi để vào canh tác được đất trong thời gian 7,5 năm gây thiệt hại 22 vụ lúa, bình quân

lợi nhuận mỗi vụ lúa thu được là 1.500.000đ, đây là lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác phần đất thửa 333. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T1 trình bày phần đất thửa 333 ông chuyển nhượng năm 2006, canh tác lúa được 03 năm thì các hộ xung quanh đã xây dựng nhà ở và lên vườn nên ông không canh tác được lúa và ông đã lên liếp trồng cam, sau đó trồng chuối. Như vậy cho thấy, ông T1, bà C khởi kiện yêu cầu ông L bồi thường khoản lợi nhuận thu được từ việc canh tác lúa nhưng trước thời điểm ông L xây dựng lều quán trên phần mặt tiền của thửa đất 333, ông T1, bà C đã không canh tác lúa trên phần đất thửa 333 nên không có thiệt hại 22 vụ lúa như ông T1 và đại diện hợp pháp của ông T1 là anh K trình bày. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 20/12/2023, ông Phạm Văn R (nguyên trưởng ấp) và ông Nguyễn Thành T3 xác định ông T1, bà C vẫn có lối đi qua phần lối đi của ông T3 để vào phần đất canh tác đất. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà C về việc yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại 22 vụ lúa số tiền 33.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Đối với yêu cầu của ông Thạch Hồng T1 và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ô tại phiên tòa về việc đưa Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Ô vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc ông T1, bà C khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn L tháo dỡ lều quán đã xây dựng trên các thửa đất tách 3006-1 diện tích 57,5m², tách 3006-2 diện tích 37,2m², tách 3010-2 diện tích 23,6m²; trả lại hiện trạng lề lộ phần mặt tiền để ông T1, bà C làm lối đi vào thửa đất thửa 333 không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án không có thẩm quyền xem xét giải quyết yêu cầu này. Vì vậy, Tòa án không đưa Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Ô vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tổng số tiền làm tròn là 4.055.000đ (*Bốn triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Do yêu cầu của nguyên đơn ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C không được chấp nhận nên buộc ông T1, bà C có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T1, bà C đã nộp tạm ứng nên không phải nộp tiếp.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông

Thạch Hồng T1 và bà Lâm Thị C không được chấp nhận nên ông T1, bà C có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí. Nhưng ông T1, bà C thuộc diện người cao tuổi và đơn đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; điểm đ khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 157 của Luật Đất đai năm 2013; các điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử, trả đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C về việc yêu cầu ông Bùi Văn L tháo dỡ lều quán đã xây dựng trên các thửa đất: tách 3006-1 diện tích 57,5m², tách 3006-2 diện tích 37,2m², tách 3010-2 diện tích 23,6m²; trả lại hiện trạng lề lộ phần mặt tiền để ông T1, bà C làm lối đi vào thửa đất số 333.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C về việc yêu cầu ông Bùi Văn L bồi thường thiệt hại 22 vụ lúa số tiền 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Buộc nguyên đơn ông Thạch Hồng T1, bà Lâm Thị C có nghĩa vụ nộp số tiền 4.055.000đ (*Bốn triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) nhưng ông T1, bà C đã nộp tạm ứng nên không phải nộp tiếp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Thạch Hồng T1 và Lâm Thị C do thuộc diện người cao tuổi và có

đơn xin miễn.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga